TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/06/2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 539/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

- N đơn: Bà Trần Thị Phương N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, N đơn bà Trần Thị Phương N trình bày:

Bà và ông Trần Xuân N kết hôn với nhau năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 27/12/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. N nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông N thường hay uống rượu và đánh đập bà. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung là Trần Phương Thảo N, sinh ngày 26/01/2006, Trần Bảo K, sinh ngày 24/06/2019 và Trần Phương Thảo T, sinh ngày 01/5/2012. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3000.000 đồng đối với 03 con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Xuân N vắng mặt và không có ý kiến.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật. Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của N đơn bà Trần Thị Phương N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 con chung là Trần Phương Thảo N, sinh ngày 26/01/2006, Trần Bảo K, sinh ngày 24/06/2019 và Trần Phương Thảo T, sinh ngày 01/5/2012 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3000.000 đồng đối với 03 con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần Xuân N, nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do, N đơn bà Trần Thị Phương N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều

228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương N và ông Trần Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 27/12/2004, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. N nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, ông N thường hay uống rượu và đánh đập bà. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Cạn thể hiện trong quá trình chung sống giữa bà N và ông N có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, xét lời khai của N đơn cũng như các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trần Thị Phương N và ông Trần Xuân N là có thật. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện cho bà N và ông N hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết xin ly hôn còn ông N vắng mặt không có lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, ông N có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với bà N. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Phương N và ông Trần Xuân N có 03 con chung là Trần Phương Thảo N, sinh ngày 26/01/2006, Trần Bảo K, sinh ngày 24/06/2019 và Trần Phương Thảo T, sinh ngày 01/5/2012. Ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3000.000 đồng đối với 03 con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập làm việc đối với ông Trần Xuân N để ông N có ý kiến về nội dung khởi kiện của bà N, trong đó có vấn đề về con chung, tuy nhiên ông N không đến tòa làm việc và không có ý kiến, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ do bà N cung cấp cũng như các chứng cứ do tòa án thu thập để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, theo N vọng của cháu Trần Phương Thảo N và cháu Trần Phương Thảo T đều muốn được ở với mẹ, cháu Trần Bảo K, sinh ngày 24/06/2019 hiện đang còn nhỏ nên giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao 03 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N yêu cầu ông

N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3000.000 đồng đối với 03 con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng). Xét độ tuổi và mức sinh hoạt trung bình của các cháu, nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên của bà N là phù hợp, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà N trình bày giữa bà và ông N không có tài sản chung và không có nợ chung, ông N vắng mặt và không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Trần Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn Bà Trần Thị Phương N về việc "tranh chấp ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương N được ly hôn với ông Trần Xuân N.

Về con chung: Giao 03 con chung là Trần Phương Thảo N, sinh ngày 26/01/2006, Trần Bảo K, sinh ngày 24/06/2019 và Trần Phương Thảo T, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Trần Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, ông Trần Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3000.000 đồng đối với 03 con chung (mỗi con chung 1.000.000 đồng).

Ông Trần Xuân N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Phương N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba

trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp tại biên lai thu số 0004790 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà N đã nộp đủ án phí. Ông Trần Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Phương N và ông Trần Xuân N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND huyện Long Thành (2)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
- UBND xã B (1);
-Đương sự (2)

Nguyễn Hữu Ngoc